TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/DS-ST
Ngày: 30-7-2026
V/v tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu

Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Tín, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Th Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-DS ngày 11/01/2024, về việc *" Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2026/QĐXXST-DS ngày 18/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2026/QĐST-DS ngày 09/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1942; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 151 đường P, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Đình L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 546 đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Phan Đình H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn V, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Lệ Th, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Phan Thị Ánh T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 10, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Phan Đình P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đồng Nai.

4. Bà Phan Thị Thúy L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn V, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Phan Thị Tuyết Tr, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn V, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà T1, ông P, bà L, bà Tr: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 151 đường P, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chị Phan Nguyễn Gia L1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 546 đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Anh Phan Đình Kh, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn V, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L, chị L1 và ông H, anh Kh vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:*

Vợ chồng bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T (chết năm 2020) sinh được 07 người con chung gồm: Phan Thị Lệ Th, Phan Đình L, Phan Đình H, Phan Thị Ánh T1, Phan Đình P, Phan Thị Thúy L, Phan Thị Tuyết Tr.

Cha mẹ của ông Phan Đình T là cụ Phan Huỳnh chết năm 1997 và cụ Lê Thị Nhiễu chết năm 2018.

Ông Phan Đình T không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Phan Đình T chết không để lại di chúc.

Chị Phan Nguyễn Gia L1 là con gái của ông Phan Đình L, là cháu nội của ông T và bà C.

Anh Phan Đình Kh là con trai của ông Phan Đình H, là cháu nội của ông T và bà C.

Vợ chồng bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T có những tài sản chung như sau:

Thứ nhất, thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích 335m^2, diện tích đo đạc thực tế 292,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Nguyên thửa đất số 707 biến động từ thửa đất số 439, tờ bản đồ số 2, diện tích 368m^2 tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ QSDĐ/QĐS 629 UBNDH vào ngày 24/12/1999, có nguồn gốc cân đối theo Nghị định 64/NĐ-CP cho hộ Phan Đình T.

Thứ hai, thửa đất số 1394, tờ bản đồ số 6, diện tích 380,9m^2, diện tích đo đạc thực tế 97,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470213, số vào sổ CH03803 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Nguyên thửa đất số 1394 này biến động từ thửa đất số 1331, tờ bản đồ số 2, diện tích 160m^2 tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ QSDĐ/QĐS 629 UBNDH vào ngày 24/12/1999, có nguồn gốc được cân đối theo Nghị định 64/NĐ-CP cho hộ Phan Đình T.

Thứ ba, thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích 486,8m^2, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

Thứ tư, thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (có 400m^2 đất ở, 1.100,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Nguyên thửa đất số 627 này biến động từ thửa đất số 437, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.440m^2 (có 200m^2 đất T và 1.240m^2 đất vườn cân đối theo Nghị định 64/CP) tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01032 vào ngày 24/12/1999 cho ông Phan Đình T. Đến ngày 06/10/2010, ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 437, tờ bản đồ số 2 và được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 083604, số vào sổ CH 03801 ngày 23/12/2011 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (200m^2 đất ở,

1.300,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp đứng tên ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

Trên thửa đất 627 hiện có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 và một số cây cối có giá trị không đáng kể, tất cả những tài sản này là của vợ chồng bà C và ông T tạo lập.

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia tài sản chung của hộ gia đình ông Phan Đình T đối với các thửa đất số 707, diện tích 335m^2 và thửa đất số 1394, diện tích 380,9m^2 cùng tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cho 10 người trong hộ ông Phan Đình T gồm: Ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1, mỗi được hưởng 71,59m².

- Chia tài sản chung của bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích 486,8m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T, mỗi người được hưởng 243,4m².

- Chia tài sản chung của bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T là quyền sử dụng 400m² (đất ở); 1100,7m² đất trồng cây hàng năm khác Thộc thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cho bà và ông Phan Đình T, mỗi người được hưởng 200m² đất ở, 550,35m² đất trồng cây hàng năm khác. Giá trị quyền sử dụng đất đối với đất ở 200.000 đồng/m², đất trồng cây hàng năm khác là 50.000 đồng/m².

- Chia tài sản chung giữa bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T là 01 ngôi nhà cấp IV có diện tích xây dựng, kiểu ba gian, T xây gạch, tô trát xi măng, quét vôi, sơn màu, nền lát xi măng; gian phía trên lợp ngói, gian phía dưới lợp tôn sắt trị giá 200.000.000 đồng; 01 nhà vệ sinh trị giá 20.000.000 đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông Phan Đình T để lại gồm: 71,59m² đất trồng cây lâu năm khác Thộc thửa đất số 707 và số 1394, cùng tờ bản đồ số 6 cùng địa chỉ xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; 243,4m² đất trồng lúa nước Thuộc thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6 tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi; 200m² đất ở và 550,35m² đất trồng cây hàng năm khác Thộc thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6 cùng địa chỉ tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cho 08 đồng thừa kế của ông Phan Đình T gồm: Bà (Phạm Thị C), bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr. Mỗi đồng thừa kế được nhận 8,95m² đất trồng cây lâu năm khác; 30,425m² đất trồng lúa nước; 25m² đất ở; 68,79m² đất trồng cây hàng năm khác. Bà C yêu cầu được nhận hiện vật là 225m² (200m^2 + 25m^2) đất ở tại vị trí có ngôi nhà cấp 4 và nhà vệ sinh; nhận hiện vật là

619,14m² (550,35m2 + 68,79m2) đất trồng cây hàng năm khác Thộc thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Đối với các tài sản khác trên thửa đất số 627 gồm: cây chuối, trang thờ, cây dừa thì bà không tranh chấp. Đối với đất trồng cây lâu năm 80,54m² (71,59m² + 8,95m²); đất trồng lúa nước 273,825m² (243,4m² + 30,425m²) thì bà yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, nguyên đơn thấy rằng thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.100,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C nguyên trước đây là thửa đất số 437, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.440m^2 (trong đó có: 200m^2 đất ở và 1.240m^2 đất vườn cấp theo Nghị định 64/CP) tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01032 vào ngày 24/12/1999 cho ông Phan Đình T. Sau đó, đến ngày 06/10/2010 ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 083604, số vào sổ CH 03801 ngày 23/12/2011 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (trong đó có: 200m^2 đất ở và 1.300,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp đứng tên ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Vì vậy, bà Phạm Thị C chỉ có quyền quản lý, sử dụng đối với 200m^2 đất ở tại nông thôn; còn lại 200m^2 đất ở tại nông thôn và 1.040m^2 đất vườn Thộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phan Đình T.

Do đó, nay nguyên đơn bà Phạm Thị C xác định lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung như sau:

- Chia tài sản chung của hộ gia đình ông Phan Đình T đối với thửa đất số 707, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho 09 người trong hộ ông Phan Đình T tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1 (là con gái của ông Phan Đình L), mỗi người được nhận 32,5m².

Trước đây bà Phạm Thị C là người quản lý, sử dụng đối với thửa đất 707, sau khi Tòa án thụ lý vụ án do sức khỏe yếu nên bà C chuyển vào tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Nai) sống với con trai Phan Đình P cho đến nay, và giao lại thửa đất 707 cho con gái Phan Thị Tuyết Tr đang quản lý, sử dụng cho đến nay. Vì vậy, bà C đề nghị Tòa án giao thửa đất số 707 cho Phan Thị

Tuyết Tr tiếp tục quản lý, sử dụng; bà Tr có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tương ứng cho những người đồng thừa kế.

- Chia tài sản chung của hộ bà Phạm Thị C, ông Phan Đình T là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho 07 người tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh (là con trai của ông Phan Đình H), mỗi người được nhận 65,46m².

Trước đây, bà Phan Thị Thúy L quản lý, sử dụng thửa đất 1095, nhưng hiện nay do bà L bị bệnh ung thư, vì vậy bà L đồng ý giao lại cho bà Tr tiếp tục quản lý, sử dụng nên bà C yêu cầu giao thửa đất 1095 cho bà Phan Thị T1 Tr tiếp tục quản lý, sử dụng; bà Tr có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tương ứng cho những người đồng thừa kế.

- Chia tài sản chung của bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T là thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi như sau: Chia cho bà Phạm Thị C nhận 200m^2 đất ở tại nông thôn và chia cho ông Phan Đình T nhận 200m^2 đất ở tại nông thôn + 1.033m^2 đất trồng cây hành năm khác.

- Chia tài sản chung giữa bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T là 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất 627 có diện tích 101,4m^2 trị giá 147.162.000 đồng và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 trị giá 18.353.720 đồng, có tổng giá trị là 165.515.000 đồng chẵn, mỗi người được nhận 82.757.000 đồng.

Trước đây bà C là người quản lý, sử dụng đối với thửa đất 627, sau khi Tòa án thụ lý vụ án do sức khỏe yếu nên bà C chuyển vào tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Nai) sống với con trai Phan Đình P cho đến nay. Vì vậy, bà C đề nghị Tòa án giao thửa đất 627 cho ông Phan Đình P tiếp tục quản lý, sử dụng; ông P có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tương ứng cho những người đồng thừa kế.

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T để lại gồm: 32,5m² (Thộc thửa đất số 707) trị giá 8.255.000 đồng + 65,46m² (Thộc thửa đất số 1095) trị giá 12.306.480 đồng + 200m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác (Thộc thửa đất số 627) trị giá 782.168.000 đồng + ½ (ngôi nhà cấp IV + nhà vệ sinh) trị giá 82.757.860 đồng. Tổng giá trị là: 885.487.340 đồng, yêu cầu chia thừa kế cho 08 đồng thừa kế của ông Phan Đình T gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 110.685.917 đồng.

Bà C đồng ý giao phần tài sản chung được chia và giao kỷ phần thừa kế mà bà C nhận từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 707, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng

Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho bà Phan Thị Tuyết Tr nhận, bà Tr có trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Bà C đồng ý giao phần tài sản chung được chia và kỷ phần thừa kế mà bà C nhận từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Đình P nhận, ông P có trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Bà C không yêu cầu tính toán chi phí ma chay, chăm sóc đối với người để lại di sản và cũng không yêu cầu tính toán công sức tôn tạo, bảo quản di sản. Bà Phạm Thị C cũng thống nhất khi chia thừa kế và chia tài sản chung thì người được nhận phần đất mà có tài sản, công trình, cây cối gì sẽ được hưởng, không phải thanh toán lại giá trị.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 1394, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 97,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

** Bị đơn là ông Phan Đình H và ông Phan Đình L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản trình bày ý kiến, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng ông H và ông L đều không đến Tòa án làm việc, không có văn ản trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr do bà Trần Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị C, không bổ sung gì thêm.

Bà Phan Thị Tuyết Tr đề nghị được nhận hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 707, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ông Phan Đình P đề nghị được nhận hiện vật là ngôi nhà cấp IV và nhà vệ sinh gắn liền với thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L: Thống nhất giao phần tài sản chung được chia và kỷ phần thừa kế được chia từ di sản của ông Phan Đình T tại các thửa đất 707, 1095 cho bà Phan Thị T1 Tr nhận.

Bà Phan Thị Lệ Th thống nhất giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản của ông Phan Đình T tại các thửa đất 707, 1095 cho bà Phan Thị T1 Tr nhận.

Bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr: Thống nhất giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản của ông Phan Đình T tại thửa đất 627 cho ông Phan Đình P nhận.

Bà Phan Thị Tuyết Tr, ông Phan Đình P đồng ý có trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr thống nhất không yêu cầu tính toán chi phí ma chay, công chăm sóc đối với người để lại di sản và cũng không yêu cầu tính toán công sức tôn tạo, bảo quản di sản; và thống nhất rằng khi chia thừa kế và chia tài sản chung thì người được nhận phần đất mà có tài sản, công trình, cây cối gì sẽ được hưởng, không phải thanh toán lại giá trị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Nguyễn Gia L1, anh Phan Đình Kh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản trình bày ý kiến, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng anh L1 và anh Kh đều không đến Tòa án làm việc, không có văn ản trình bày ý kiến.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C.

+ Chia tài sản chung tại thửa đất số 707 tờ bản đồ số 06, tại xã Nghĩa Hà cho ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phạm Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, mỗi người nhận được 32,5m^2.

+ Chia tài sản chung tại thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Hà cho ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C ông Phan Đình L, Phan Đình H, Phan Đình P, Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh, diện tích đo đạc thực tế là 458,2m^2, mỗi người nhận được 65,46 m^2 BHK.

+ Chia tài sản chung tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.500,7m² (200m² ONT và 1300,7m² BHK), đo đạc thực tế 1.433m^2 (400m² ONT và BHK 1.033m^2), mỗi người được nhận 200m^2 đất ở, đối với tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp IV và nhà vệ sinh ông T, bà C mỗi người được nhận ½ căn nhà, ½ nhà vệ sinh, riêng ông T nhận 1.033m^2 đất BHK.

+ Chia di sản thừa kế của ông T (chết để lại) là 200m^2 đất ở, 1.033m^2 đất BHK, ½ căn nhà cấp 4 và ½ nhà vệ sinh trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 và 32.5m^2 đất Lúa, 65,46 m^2 BHK thành 08 kỷ phần cho 08 người thừa kế là bà Phạm Thị C, bà Phan Thi Lệ Th, Phan Thị Ánh T1, Phan Thị L, Phan Thị Tuyết Tr, ông Phan Đình L, Phan Đình H, Phan Đình P mỗi người 01 kỷ phần.

+ Giao cho ông P được quyền quản lý, sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 627, ông P có trách nhiệm thối trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông H, ông L được nhận tại thửa đất số 627; bà Tr được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 707, 1095 cùng tờ bản đồ số 06, xã Nghĩa Hà, bà Tr có trách nhiệm thối trả lại giá trị tài sản chung mà ông H, ông L, ông Kh, chị L1 được nhận và bà Tr thối trả kỷ phần thừa kế mà ông L, ông H được nhận tại thửa đất số 707, 1095 cùng tờ bản đồ số 06, xã Nghĩa Hà.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc chia tài sản chung và chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 1394, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 97,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

+ Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần tài sản mình được nhận.

+ Về án phí: Bà Phạm Thị C, Phan Thị Lệ Th được miễn nộp án phí. Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị C khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản đối với bị đơn ông Phan Đình L, ông Phan Đình H tại các thửa đất số 707, 1095, 627, cùng tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà cấp IV, nhà vệ sinh được xây dựng trên thửa đất 627. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: "*Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản*", Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

[1.2] Ngày 30/01/2026, nguyên đơn bà Phạm Thị C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tại thửa đất số 1394, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 97,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu này.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr là bà Trần Thị Hoa có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phan Đình H, ông Phan Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Nguyễn Gia L1, anh Phan Đình Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr thống nhất trình bày: Bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T (chết năm 2020) sinh được 07 người con chung gồm: Phan Thị Lệ Th, Phan Đình L, Phan Đình H, Phan Thị Ánh T1, Phan Đình P, Phan Thị Thúy L, Phan Thị Tuyết Tr. Cha mẹ của ông Phan Đình T là cụ Phan Huỳnh chết năm 1997 và cụ Lê Thị Nhiễu chết năm 2018. Ông Phan Đình T không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Phan Đình T chết không để lại di chúc. Bị đơn là ông Phan Đình L và ông Phan Đình H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản phản đối. Do đó, có căn cứ xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Phan Đình T gồm: Bà Phạm Thị C và các con là Phan Thị Lệ Th, Phan Đình L, Phan Đình H, Phan Thị Ánh T1, Phan Đình P, Phan Thị Thúy L, Phan Thị Tuyết Tr.

[2.2] Về xác định tài sản chung và chia tài sản chung:

[2.2.1] Về xác định tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C yêu cầu chia các tài sản chung sau đây:

Thứ nhất, Thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích 335m^2, diện tích đo đạc thực tế 292,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

Thứ hai, Thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích 486,8m^2, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân

huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

Thứ ba, Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (400m^2 đất ở, 1.100,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

Thấy rằng, tại Công văn 2692/CNTPQN ngày 26/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III tỉnh Quảng Ngãi) (BL 171) và Công văn số 1129/UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã An Phú (BL 308) cung cấp thông tin:

- Thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích 335m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C: Trước đây là thửa đất số 439, tờ bản đồ số 2, diện tích 368m^2, đất cấp theo Nghị định 64/NĐ-CP, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ QSDĐ/QĐS 629 UBNDH vào ngày 24/12/1999 cấp cho hộ Phan Đình T.

- Thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích 486,8m^2, loại đất trồng lúa nước (LUC), tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

- Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (400m^2 đất ở, 1.100,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C: *Trước đây là thửa đất số 437, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.440m^2 (200m^2 đất ở và 1.240m^2 đất vườn cấp theo Nghị định 64/CP) tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01032 vào ngày 24/12/1999 cho ông Phan Đình T. Đến ngày 06/10/2010, ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

và được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 083604, số vào sổ CH 03801 ngày 23/12/2011 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (200m^2 đất ở và 1.300,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp đứng tên ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2026, Công an xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thông tin: Tại thời điểm ngày 24/12/1999 hộ ông Phan Đình T gồm có 09 thành viên gồm ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2026, Công an xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thông tin: Tại thời điểm ngày 23/12/2011, hộ ông Phan Đình T gồm 07 thành viên là ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh.

Thấy rằng, thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C, nhưng có nguồn gốc được biến động từ thửa đất số 439, tờ bản đồ số 2, diện tích 368m^2 tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ QSDĐ/QĐS629UBNDH vào ngày 24/12/1999 cấp cho hộ Phan Đình T, đất cân đối theo Nghị định 64/NĐ-CP. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi là tài sản chung của 09 thành viên trong hộ ông Phan Đình T tại thời điểm ngày 24/12/1999 gồm: Ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1 (con của ông Phan Đình L); mỗi người được nhận 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Đối với thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi là tài sản chung của 07 thành viên trong hộ ông Phan Đình T tại thời điểm ngày 23/11/2011 là ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan

Đình H, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh (con của ông Phan Đình H); mỗi người được nhận 65,46m^2 (làm tròn) đất trồng lúa nước.

Đối với thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C có nguồn gốc được biến động từ thửa đất số 437, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.440m^2 (trong đó có: 200m^2 đất ở và 1.240m^2 đất vườn cấp theo Nghị định 64/CP) tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01032 vào ngày 24/12/1999 cho ông Phan Đình T. Đến ngày 06/10/2010, ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 083604, số vào sổ CH 03801 ngày 23/12/2011 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.500,7m^2 (trong đó có: 200m^2 đất ở và 1.300,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp đứng tên ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C cũng thừa nhận đối với thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác) thì bà Phạm Thị C chỉ có quyền quản lý, sử dụng đối với 200m^2 đất ở tại nông thôn, còn lại 200m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác Thộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phan Đình T. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản chung của bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T, trong đó bà Phạm Thị C có quyền quản lý, sử dụng đối với 200m^2 đất ở tại nông thôn và ông Phan Đình T được quyền quản lý, sử dụng đối với 200m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Đối với ngôi nhà cấp IV và nhà vệ sinh được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr đều thống nhất xác định đây là tài sản chung do ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C xây dựng; còn bị đơn ông Phan Đình H, ông Phan Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Nguyễn Gia L1, anh Phan Đình Kh dù được Tòa án thông báo trình bày ý kiến nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, có căn cứ xác định ngôi nhà cấp IV và nhà vệ sinh được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã

Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi là tài sản chung của ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C.

Từ những nhận định trên, thấy rằng yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị C là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về chia tài sản chung:

- Chia tài sản chung là thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thành 09 phần như sau: Chia cho ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1 (con ông Phan Đình L) mỗi người được nhận 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác, trị giá: 8.255.000 đồng (254.000 đồng/m^2 x 32,5m^2).

- Chia tài sản chung là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thành 07 phần như sau: Chia cho ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh (con ông Phan Đình H) mỗi người được nhận 65,46m^2 đất trồng lúa nước, trị giá: 12.306.480 đồng (65,46m^2 x 188.000 đồng/m^2).

- Chia tài sản chung là thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi như sau: Chia cho bà Phạm Thị C được nhận 200m^2 đất ở nông thôn trị giá 476.400.000 đồng (200m^2 x 2.382.000 đồng/m^2); chia cho ông Phan Đình T được nhận 200m^2 đất ở nông thôn trị giá 476.400.000 đồng (200m^2 x 2.382.000 đồng/m^2) và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác trị giá 305.768.000 đồng (1.033m^2 x 296.000 đồng).

- Chia tài sản chung là ngôi nhà cấp IV, diện tích 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi như sau: Chia cho bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T mỗi người được hưởng ½ {(ngôi nhà cấp IV, diện tích 101,4m^2 trị giá 147.162.000 đồng) + (nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 trị giá 18.353.720 đồng)}. Tổng giá trị là 165.515.720 đồng, nên bà Phạm Thị C và ông Phan Đình T mỗi người được nhận 82.757.860 đồng.

[2.3] Về xác định di sản thừa kế của ông Phan Đình T:

Như đã nhận định tại [2.2], có căn cứ xác định di sản thừa kế và giá trị di sản thừa kế của ông Phan Đình T bao gồm:

- Phần diện tích 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác trị giá 8.255.000 đồng tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

- Phần diện tích 65,46m^2 đất trồng lúa nước trị giá 12.306.480 đồng tại thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

- Phần diện tích 200m^2 đất ở nông thôn trị giá 476.400.000 đồng và diện tích 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác trị giá 305.768.000 đồng tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và 82.757.860 đồng là giá trị ½ {(ngôi nhà cấp IV, diện tích 101,4m^2) + (nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2)} được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi. Tổng cộng là 864.925.860 đồng.

Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế của ông Phan Đình T là: (8.255.000 đồng + 12.306.480 đồng + 864.925.860 đồng) = 885.487.340 đồng.

Từ những nhận định trên, thấy rằng yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T để lại của bà Phạm Thị C là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.4] Về cách chia thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr đều trình bày không yêu cầu tính toán chi phí ma chay, công chăm sóc đối với người để lại di sản và cũng không yêu cầu tính toán công sức tôn tạo, bảo quản di sản và thống nhất rằng, khi chia thừa kế và chia tài sản chung thì người được nhận phần đất mà có tài sản, công trình, cây cối gì sẽ được hưởng, không phải thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Phía bị đơn ông Phan Đình H, ông Phan Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Nguyễn Gia L1, anh Phan Đình Kh dù được Tòa án thông báo nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trả lời. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết khi chia thừa kế đối với di sản của ông Phan Đình T.

Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đinh T như sau:

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T là diện tích 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác trị giá 8.255.000 đồng tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thành 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông

Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 1.031.875 đồng.

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T là diện tích 65,46m^2 đất trồng lúa nước trị giá 12.306.480 đồng tại thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thành 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 1.538.310 đồng.

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T diện tích 200m^2 đất ở nông thôn trị giá 476.400.000 đồng và diện tích 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác trị giá 305.768.000 đồng tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và 82.757.860 đồng là giá trị ½ {(ngôi nhà cấp IV, diện tích 101,4m^2) + (nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2)} được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tổng cộng là 864.925.860 đồng, chia thành 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 108.115.732 đồng (làm tròn).

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị C đồng ý giao phần tài sản chung được chia và kỷ phần thừa kế mà bà C được nhận từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 707 và thửa đất số 1095 cho bà Phan Thị T1 Tr nhận; bà Phan Thị Tuyết Tr đồng ý nhận. Ngoài ra, bà Phạm Thị C đồng ý giao phần tài sản chung được chia và kỷ phần thừa kế mà bà C được nhận từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 627 cho ông Phan Đình P nhận; ông Phan Đình P đồng ý nhận. Đồng thời, bà Phạm Thị C đề nghị giao thửa đất số 707 và thửa đất số 1095 cho bà Phan Thị Tuyết Tr quản lý, sử dụng và giao thửa đất số 627 cho ông Phan Đình P quản lý, sử dụng.

Thấy rằng, tại văn bản trình bày bà Phan Thị T1 Tr đồng ý nhận thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi, bà Tr đồng ý thanh toán lại giá trị tài sản chung và giá trị kỷ phần thừa kế cho đồng chủ sử dụng và các đồng thừa kế khác. Còn phía ông Phan Đình P cũng đồng ý nhận thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà, nhà vệ sinh xây dựng trên đất, ông P cũng đồng ý thanh toán lại giá trị tài sản chung và giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng chủ sử dụng và các đồng thừa kế khác.

Mặt khác, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L thống nhất giao phần tài sản chung được chia và kỷ phần thừa kế được chia từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại các thửa đất 707, 1095 cho bà Phan Thị Tuyết Tr nhận. Bà Phan Thị Lệ Th thống nhất giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản của ông Phan Đình T tại các thửa đất 707, 1095 cho bà Phan Thị T1 Tr nhận. Bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr thống nhất giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản của ông Phan Đình T tại thửa đất 627 cho ông Phan Đình P nhận.

Còn phía bị đơn ông Phan Đình H, ông Phan Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Nguyễn Gia L1, anh Phan Đình Kh dù được Tòa án triệu tập, thông báo trình bày ý kiến nhưng đều không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày.

* Từ những nhận định trên, có căn cứ giao thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho bà Phan Thị Tuyết Tr được quyền quản lý, sử dụng. Bà Tr có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tài sản chung cho chủ sử dụng và giá trị kỷ phần thừa kế cho đồng thừa kế, cụ thể như sau:

- Tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi: Do bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L đều thống nhất giao phần tài sản chung được chia cho bà Phan Thị Tuyết Tr nhận; và bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Lệ Th thống nhất giao kỷ phần thừa kế được nhận từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T cho bà Phan Thị T1 Tr nhận. Nên cách chia như sau:

+ Về tài sản chung: Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, chị Phan Nguyễn Gia L1, mỗi người nhận 8.255.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung bà Tr được nhận là (8.255.000 đồng x 5) = 41.275.000 đồng.

+ Về thừa kế tài sản: Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người nhận 1.031.875 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản thừa kế bà Tr được nhận là (1.031.875 đồng x 6) = 6.191.250 đồng.

Như vậy, giá trị bà Tr được nhận tại thửa đất 707 là: 47.466.250 đồng. Giá trị ông L được nhận tại thửa đất 707 là: 9.286.875 đồng. Giá trị ông H được nhận tại thửa đất 707 là: 9.286.875 đồng. Giá trị chị L1 được nhận tại thửa đất 707 là: 8.255.000 đồng.

- Tại thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi: Do bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L đều thống nhất giao phần tài sản chung được chia cho bà Phan Thị Tuyết Tr nhận; và bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Lệ Th thống nhất giao kỷ phần thừa kế được nhận từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T bà Phan Thị Tuyết Tr nhận. Nên cách chia như sau:

+ Về tài sản chung: Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, anh Phan Đình Kh mỗi người nhận 12.306.480 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung bà Tr được nhận là (12.306.480 đồng x 5) = 61.532.400 đồng.

+ Về thừa kế tài sản: Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người nhận 1.538.310 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản thừa kế bà Tr được nhận là (1.538.310 đồng x 6) = 9.229.860 đồng.

Như vậy, giá trị bà Tr được nhận tại thửa đất 1095 là: 70.762.260 đồng. Giá trị ông L được nhận tại thửa đất 1095 là: 13.844.790 đồng. Giá trị ông H được nhận tại thửa đất 1095 là 13.844.790 đồng. Giá trị anh Kh được nhận tại thửa đất 1095 là: 12.306.480 đồng.

Đối với tài sản khác có trên thửa đất số 707 và thửa đất số 1095, cùng tờ bản đồ số 6, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi, bà Phan Thị Tuyết Tr được nhận, không phải thanh toán lại giá trị cho các đồng sử dụng đất và đồng thừa kế khác.

* Đồng thời, như đã nhận định trên, có căn cứ giao thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà, nhà vệ sinh xây dựng trên đất cho ông Phan Đình P quản lý, sử dụng; ông P có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho đồng thừa kế. Tuy nhiên, bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr thống nhất giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất 627 cho ông Phan Đình P nhận. Do đó, ông Phan Đình P chỉ có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người nhận 108.115.732 đồng. Như vậy, giá trị ông P được nhận tại thửa đất 627 là: (108.115.732 đồng x 6) = 648.694.392 đồng.

Như vậy, tổng giá trị bà Phan Thị T1 Tr nhận được khi chia tài sản chung và chia thừa kế là: 118.228.510 đồng.

Tổng giá trị ông Phan Đình P nhận được khi chia tài sản chung và chia thừa kế là: 1.207.852.252 đồng.

Tổng giá trị ông Phan Đình L nhận được khi chia tài sản chung và chia thừa kế là: 131.247.397 đồng.

Tổng giá trị tài sản ông Phan Đình H nhận được khi chia tài sản chung và chia thừa kế là: 131.247.397 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Phan Nguyễn Gia L1 nhận được khi chia tài sản chung là: 8.255.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Phan Đình Kh nhận được khi chia tài sản chung là: 12.306.480 đồng.

Đối với tài sản khác có trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi, ông Phan Đình P được nhận, không phải thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

[2.6] Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên bà C và bà Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình P không phải chịu án phí đối với giá trị tài sản chung và giá trị thừa kế được bà Phạm Thị C và bà Phan Thị Lệ Th giao cho ông P nhận là 775.389.324 đồng. Ông Phan Đình P phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng là 432.462.928 đồng, cụ thể: Ông P phải chịu 21.298.517 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Tuyết Tr không phải chịu án phí đối với giá trị tài sản chung và giá trị thừa kế được bà Phạm Thị C và bà Phan Thị Lệ Th giao cho bà Tr nhận là 25.701.850 đồng. Bà Phan Thị T1 Tr phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng là 92.526.660 đồng, cụ thể: Bà Tr phải chịu 4.626.333 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình L phải chịu 6.562.370 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình H phải chịu 6.562.370 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Nguyễn Gia L1 phải chịu 412.750 án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Đình Kh phải chịu 615.324 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.7] Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc 12.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 25.000.000 đồng, tổng cộng là 39.000.000 đồng. Bà C đã nộp và chi xong.

[2.8] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 207, Điều 209, Điều 212, Điều 213, Điều 218, Điều 219, Điều 611, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Phạm Thị C về việc chia tài sản chung và chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 1394, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 97,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C đối với yêu cầu chia tài sản chung.

2.1. Xác định tài sản chung:

- Thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C: Là tài sản chung của ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1.

- Thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C: Là tài sản chung ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh.

- Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà cấp IV, diện tích 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 được xây dựng trên đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan

Đình T và bà Phạm Thị C: Là tài sản chung của ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C.

2.2. Về cách chia tài sản chung:

- Chia tài sản chung là thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C như sau: Chia cho ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, chị Phan Nguyễn Gia L1; mỗi người được nhận 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tương ứng với giá trị là 8.255.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

- Chia tài sản chung là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C như sau: Chia cho ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Tuyết Tr, anh Phan Đình Kh; mỗi người được nhận 65,46m^2 đất trồng lúa nước, tương ứng với giá trị là 12.306.480 (Mười hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng.

- Chia tài sản chung là thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà cấp IV diện tích 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 được xây dựng trên đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C như sau:

+ Chia cho bà Phạm Thị C được quyền quản lý, sử dụng đối với 200m^2 đất ở tại nông thôn và ½ (ngôi nhà cấp IV diện tích 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2) tương ứng với giá trị là 559.157.860 (Năm trăm năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng.

+ Chia cho ông Phan Đình T được quyền quản lý, sử dụng đối với 200m^2 đất ở tại nông thôn, 1.033m^2 đất đất trồng cây hàng năm khác và ½ (ngôi nhà cấp IV diện tích 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2) tương ứng với giá trị là 864.925.860 (Tám trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng.

2.3. Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L đồng ý giao phần tài sản chung được chia tại thửa đất số 707, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho bà Phan Thị T1 Tr nhận.

2.4. Bà Phạm Thị C đồng ý giao phần tài sản chung được chia tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Đình P nhận.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phan Đình T:

3.1. Xác định di sản thừa kế của ông Phan Đình T gồm:

- Phần diện tích 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác trị giá 8.255.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

- Phần diện tích 65,46m^2 đất trồng lúa nước trị giá 12.306.480 (Mười hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng tại thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi.

- Phần diện tích 200m^2 đất ở nông thôn và diện tích 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ½ {(ngôi nhà cấp IV, diện tích 101,4m^2) + (nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2)} được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi trị giá 864.925.860 (Tám trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Phan Đình T là 885.487.340 (Tám trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi) đồng.

3.2. Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Phan Đình T gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr.

3.3. Về cách chia thừa kế như sau:

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T là diện tích 32,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại thôn Sung Túc, xã

Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thành 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 1.031.875 (Một triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T là diện tích 65,46m^2 đất trồng lúa nước tại thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thành 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 1.538.310 (Một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm mười) đồng.

- Chia thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Phan Đình T là diện tích 200m^2 đất ở nông thôn và diện tích 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và giá trị ½ (ngôi nhà cấp IV + nhà vệ sinh) được xây dựng trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi chia thành 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr, mỗi người được nhận 108.115.732 (Một trăm lẻ tám triệu, một trăm mười lăm nghìn, bảy trăm ba mươi hai) đồng.

3.4. Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, ông Phan Đình P, bà Phan Thị Thúy L đồng ý giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 707, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho bà Phan Thị T1 Tr nhận.

3.5. Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th, bà Phan Thị Ánh T1, bà Phan Thị Thúy L, bà Phan Thị Tuyết Tr đồng ý giao kỷ phần thừa kế được chia từ di sản thừa kế của ông Phan Đình T tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 1.433m^2, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Đình P nhận.

4. Giao cho bà Phan Thị Tuyết Tr được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 292,5m^2, đất trồng cây lâu năm khác, tại xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

phát hành BH 470154, số vào sổ CH03802 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C.

- Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, chị Phan Nguyễn Gia L1, mỗi người nhận 8.255.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng là giá trị tài sản chung ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, chị Phan Nguyễn Gia L1 được chia.

- Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người nhận 1.031.875 (Một triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng là giá trị kỷ phần thừa kế ông Phan Đình L, ông Phan Đình H được chia.

* Như vậy, bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người số tiền 9.286.875 (Chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng và thanh toán cho chị Phan Nguyễn Gia L1 số tiền 8.255.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

5. Giao cho bà Phan Thị Tuyết Tr được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 458,2m^2, loại đất trồng lúa nước, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 994413, số vào sổ CH05355 vào ngày 23/12/2011 cho hộ ông Phan Đình T, bà Phạm Thị C.

- Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, anh Phan Đình Kh, mỗi người nhận 12.306.480 (Mười hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng là giá trị tài sản chung ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, anh Phan Đình Kh được chia.

- Bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H, mỗi người nhận 1.538.310 (Một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm mười) đồng là giá trị kỷ phần thừa kế ông Phan Đình L, ông Phan Đình H được chia.

* Như vậy, bà Phan Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người số tiền 13.844.790 (Mười ba triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi) đồng và thanh toán cho anh Phan Đình Kh số tiền 12.306.480 (Mười hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng.

Đối với tài sản khác có trên thửa đất số 707 và thửa đất số 1095, cùng tờ bản đồ số 6, tại thôn Sung Túc, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thì bà Phan Thị Tuyết Tr được nhận, không phải thanh toán lại giá trị cho các đồng sử dụng đất và đồng thừa kế khác.

6. Giao cho ông Phan Đình P được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 1.433m^2 (có 400m^2 đất ở tại

nông thôn và 1.033m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà cấp IV diện tích 101,4m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10,1m^2 được xây dựng trên đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 548179, số vào sổ CS11290 vào ngày 30/12/2017 cho ông Phan Đình T và bà Phạm Thị C. Ông Phan Đình P có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phan Đình L, ông Phan Đình H mỗi người nhận 108.115.732 (Một trăm lẻ tám triệu, một trăm mười lăm nghìn, bảy trăm ba mươi hai) đồng là giá trị kỷ phần thừa kế ông Phan Đình L, ông Phan Đình H được chia.

Đối với tài sản khác có trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6, tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi (nay là xã An Phú), tỉnh Quảng Ngãi thì ông Phan Đình P được nhận, không phải thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

(*Có sơ đồ phần chia kèm theo bản án*).

Ông Phan Đình P, bà bà Phan Thị Tuyết Tr có trách nhiệm đến các cơ quan có thẩm quyền kê Khi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Về án phí:

Bà Phạm Thị C, bà Phan Thị Lệ Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên bà C và bà Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình P phải chịu 21.298.517 (Hai mươi mốt triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm mười bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Tuyết Tr phải chịu 4.626.333 (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình L phải chịu 6.562.370 (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình H phải chịu 6.562.370 (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Nguyễn Gia L1 phải chịu 412.750 (Bốn trăm mười hai nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Đình Kh phải chịu 615.324 (Sáu trăm mười lăm nghìn, ba trăm hai mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc 12.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 25.000.000 đồng, tổng cộng là 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng. Bà C đã nộp và chi xong.

9. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Quang Hải